



QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KHUYẾT DANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

Nguyễn Phan Khôi

Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 02/11/2015

Ngày chấp nhận: 29/02/2016

Title:

Copyright in anonymous works in the Vietnam Intellectual property Law

Từ khóa:

Quyền tác giả, tác phẩm khuyết danh, bút danh, công bố tác phẩm, thời hạn bảo hộ quyền tác giả

Keywords:

Anonymous works, copyrights, pseudonym, publication of work, term of copyright protection

ABSTRACT

Copyright in anonymous works is a special case in field of copyright providing protection for works of which author is not identified since its publication. The protection for this kind of works has been noticed in copyright law system through its development. However, in the current law, there are some inadequate provisions in definition of anonymous works such as term of copyright protection for anonymous works, lack of provisions for anonymous works resulting from contracts and the deadline of author's appearance to own copyright. Providing a glance at Vietnam copyright law and The Berne Convention relating to anonymous works, the paper aims to point out some inconsistencies and inadequacies, which should be resolved by some suggested resolutions.

TÓM TẮT

Quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh là một trường hợp đặc biệt trong lĩnh vực quyền tác giả, bảo hộ cho những tác phẩm không xác định được tác giả khi công bố. Việc bảo hộ dành cho các tác phẩm này đã được đề cập đến trong hệ thống pháp luật về quyền tác giả trong suốt các giai đoạn khác nhau của luật. Tuy nhiên, trong các quy định hiện hành vẫn còn tồn tại một số vướng mắc, xuất phát từ việc đưa ra khái niệm về tác phẩm khuyết danh chưa phù hợp, quy định cách tính thời hạn bảo hộ không hợp lý và thiếu sót trong việc ghi nhận thời hạn xuất hiện của tác giả tác phẩm khuyết danh, cũng như chưa ghi nhận các trường hợp tác phẩm khuyết danh theo thỏa thuận. Bài viết này khái quát các quy định liên quan đến tác phẩm khuyết danh theo pháp luật Việt Nam và công ước Berne, từ đó chỉ ra các bất cập của luật. Cuối bài viết là các đề xuất nhằm hoàn thiện các quy định của luật để giải quyết các bất cập đó.

Trích dẫn: Nguyễn Phan Khôi, 2016. Quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh theo pháp luật Việt Nam hiện hành. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 42d: 1-8.

1 GIỚI THIỆU

Khi tác giả sáng tạo nên một tác phẩm, vì một số lý do chủ quan và khách quan nên tên của họ không xuất hiện trên tác phẩm. Dưới góc độ pháp lý, luật vẫn ghi nhận việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh, tuy nhiên, do tính chất khuyết danh nên việc bảo hộ này có nhiều điểm

khác biệt so với việc bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm mà danh tính của tác giả được xác định rõ ràng. Pháp luật hiện hành về quyền tác giả tuy có sự quan tâm nhất định đối với lĩnh vực này nhưng vẫn còn tồn tại một số quy định chưa phù hợp, dẫn đến tiềm ẩn khả năng gây khó khăn trong quá trình áp dụng như khái niệm về tác phẩm

khuyết danh chưa hợp lý, thiếu quy định về thời hạn cho sự xuất hiện của tác giả tác phẩm khuyết danh, tạo ra bất cập trong quy định về cách tính thời hạn bảo hộ, cũng như thiếu sót trong việc quy định tác phẩm khuyết danh do thỏa thuận. Vì vậy, việc tìm hiểu các vấn đề lý luận chung về quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh để hệ thống hóa lại các quy định, trên cơ sở đó đánh giá sự phù hợp, đưa ra những đề xuất hoàn thiện các quy định có liên quan là điều hết sức cần thiết.

2 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KHUYẾT DANH

Việc ghi nhận quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh bắt đầu với việc đưa ra khái niệm, trên cơ sở đó xác định chủ thể quyền và các đặc trưng của việc bảo hộ dạng tác phẩm này. Nhìn chung, luật Việt Nam qua các thời kì đều coi tác phẩm khuyết danh là một bộ phận không thể thiếu trong chế định chung về quyền tác giả. Các thời kì sau đều có sự lặp lại quy định của thời kì trước và ghi nhận thêm một số thay đổi nhỏ, tạo sự khác biệt nhưng không nhiều.

2.1 Khái niệm và đặc điểm của tác phẩm khuyết danh

Khái niệm: Tác phẩm khuyết danh trước đây được đề cập đến từ rất sớm trong Thông tư 63-VH/TT ngày 16 tháng 7 năm 1988 của Bộ văn hóa hướng dẫn việc sử dụng và phân phối nhuận bút đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học hết hạn hưởng quyền tác giả. Tiếp sau đó, trong Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả 1994 cũng quy định những trường hợp tác phẩm "không rõ tác giả" hoặc "tác giả không lộ tên" thì quyền tác giả thuộc về Nhà nước.

Quy định về tác phẩm khuyết danh được quy định chi tiết hơn tại Điều 766 Bộ luật dân sự 1995 và Thông tư 27/2001/TT-BVHTT ngày 10 tháng 5 năm 2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/CP ngày 29/11/1996, Nghị định 60/CP ngày 6/6/1997 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật dân sự, theo đó, "Tác phẩm khuyết danh" là tác phẩm không có tên tác giả (tên thật hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố.

Trong giai đoạn hiện nay, cả Bộ luật dân sự 2005 và Luật sở hữu trí tuệ 2005 đều không đưa ra khái niệm tác phẩm khuyết danh, mà khái niệm này chỉ được đề cập đến trong một văn bản dưới luật là Nghị định 100/2006/NĐ-CP như sau: "Tác phẩm khuyết danh là tác phẩm không có tên tác giả (tên thật hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố".

Đây có thể coi là khái niệm chính thức của luật hiện hành về tác phẩm khuyết danh.

Đặc điểm của tác phẩm khuyết danh: Giống như các tác phẩm khác, tác phẩm khuyết danh cũng là thành quả trí tuệ của một người, hoặc nhóm người nào đó, là tác giả hoặc đồng tác giả đã sáng tạo ra tác phẩm. Điểm khác biệt duy nhất là tên tác giả không được thể hiện trên tác phẩm khi tác phẩm được công bố. Nhìn chung, một tác phẩm khuyết danh có đặc điểm sau:

- Các tác phẩm khuyết danh có thể thuộc nhiều thể loại, nói cách khác tác phẩm văn học, âm nhạc, kiến trúc, tạo hình... đều có thể là khuyết danh. Bởi vì tác phẩm khuyết danh là khái niệm chỉ tình trạng của tác phẩm, chứ không phải là một thể loại tác phẩm riêng.

- Tính chất khuyết danh chỉ được xem xét sau khi tác phẩm đã công bố, nghĩa là một tác phẩm không có tên tác giả nhưng chưa được công bố thì không được xem xét bảo hộ như là tác phẩm khuyết danh. Theo Điều 22 khoản 2 Nghị định 100/2006/NĐ-CP công bố tác phẩm "...là việc phát hành tác phẩm đến công chúng với số lượng bản sao đủ để đáp ứng nhu cầu hợp lý của công chúng tùy theo bản chất của tác phẩm, do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc do cá nhân, tổ chức khác thực hiện với sự đồng ý của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; Công bố tác phẩm không bao gồm việc trình diễn một tác phẩm sân khấu, điện ảnh, âm nhạc; đọc trước công chúng một tác phẩm văn học; phát sóng tác phẩm văn học, nghệ thuật; trưng bày tác phẩm tạo hình; xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc".

- Trên tác phẩm công bố không có tên tác giả, cả tên thật và bút danh. Như vậy, nếu trên tác phẩm khi công bố chỉ cần xuất hiện tên tác giả, hoặc bút danh của tác giả thì tác phẩm này không phải là khuyết danh theo quy định. Điều này xuất phát từ việc "đứng tên trên tác phẩm" là quyền nhân thân của tác giả sáng tác ra tác phẩm, như vậy, họ có quyền để tên mình hoặc không để tên mình trên tác phẩm đó khi công bố.

- Việc bảo hộ đối với tác phẩm khuyết danh chỉ dành cho trường hợp tác phẩm đã công bố, nếu tác phẩm chưa công bố thì không áp dụng quy định bảo hộ dành cho tác phẩm khuyết danh. Nguyên nhân là đối với các quyền nhân thân, tuy về nguyên tắc phát sinh khi định hình tác phẩm chứ không phụ thuộc vào việc công bố hay chưa, nhưng các quyền này phải gắn với chủ thể là tác giả của tác phẩm. Trong trường hợp vì tác phẩm khuyết danh không xác định được tác giả nên không bảo hộ các

quyền nhân thân được. Mặt khác, nếu tác phẩm chưa công bố thì chưa thể khai thác được các quyền tài sản, nên việc bảo hộ các quyền này cũng không khả thi trên thực tế.

Chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh: Nhà nước; tổ chức, cá nhân đang quản lý tác phẩm khuyết danh; các tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh chuyển giao quyền.

Quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh qua các thời kì:

Tác phẩm khuyết danh được ghi nhận rất sớm, khi Bộ Văn hóa ra Thông tư số 63-VH/TT ngày 16/7/1988 hướng dẫn việc sử dụng và phân phối nhuận bút đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học hết thời hạn bảo hộ quyền tác giả. Đến nay, hàng loạt các văn bản luật và dưới luật ghi nhận về nội dung này. Chúng ta có thể tóm tắt thành các thời kì như sau:

– Trước khi Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả 1994 ban hành: Lúc này quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh được quy định là thuộc về Nhà nước (Thông tư số 63-VH-TT).

– Giai đoạn Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả 1994 có hiệu lực: Tiếp tục ghi nhận quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh là của Nhà nước; tuy nhiên, có bổ sung thêm quy định trong trường hợp nếu xác định được tác giả là ai thì quyền tác giả được bảo hộ như đối với các tác phẩm thông thường.

– Giai đoạn Bộ luật dân sự 1995 có hiệu lực: Quy định tương tự như Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả; tuy nhiên chỉ trong trường hợp danh tính tác giả xuất hiện trong thời hạn 50 năm kể từ khi tác phẩm khuyết danh được công bố thì quyền tác giả tác phẩm khuyết danh mới được bảo hộ như tác phẩm thông thường. Đồng thời, thời hạn bảo hộ lúc đó được tính kể từ thời điểm xác định được tác giả.

– Giai đoạn Bộ luật dân sự 2005 và Luật sở hữu trí tuệ 2005 có hiệu lực: Không quy định tác phẩm khuyết danh mặc nhiên thuộc về Nhà nước trong mọi trường hợp, mà thừa nhận rằng nếu có tổ chức, cá nhân đang quản lý tác phẩm khuyết danh thì được hưởng quyền của chủ sở hữu cho đến khi danh tính tác giả được xác định. Luật cũng thừa nhận việc xóa bỏ tình trạng khuyết danh khi danh tính tác giả xuất hiện, đồng thời quy định thay đổi cách tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh trong các trường hợp đó. Một sự khác biệt nhỏ có thể ghi nhận trong thời kì này là thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm

khuyết danh có sự thay đổi, khi vào năm 2009, Luật sửa đổi bổ sung của Luật sở hữu trí tuệ đã quy định cách tính mới hơn. Trong khi theo quy định trước đó, “... tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là năm mươi năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên...,” thì đến năm 2009 được quy định lại là “...tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là bảy mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên...”

Đặc điểm của việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh: Pháp luật Việt Nam qua các thời kì đều có sự ghi nhận việc bảo hộ quyền tác giả dành cho tác phẩm khuyết danh. Tuy trung lại, việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh có những đặc điểm riêng sau đây:

– Thứ nhất, về mặt chủ thể, thì quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh chủ yếu dành cho chủ sở hữu quyền tác giả, chứ không phải tác giả sáng tạo ra tác phẩm. Điều này xuất phát từ việc không biết tác giả là ai, nên luật không dành sự bảo vệ cho người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm.

– Thứ hai, về mặt nội dung, thì quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh có xu hướng lược bỏ đi các quyền nhân thân gắn với bản thân tác giả sáng tạo và chỉ bảo hộ các quyền mang tính chất tài sản, vốn thuộc chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh.

– Thứ ba, các quyền nhân thân của tác giả sáng tạo ra tác phẩm khuyết danh có thể được khôi phục nếu như các thông tin về tác giả xuất hiện.

2.2 Một số nội dung chủ yếu trong việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh theo pháp luật Việt Nam hiện hành

Chủ thể và nội dung quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh: Theo quy định hiện hành, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh là Nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân đang quản lý tác phẩm khuyết danh.

Đối với tác phẩm khuyết danh thuộc Nhà nước thì khi tổ chức, cá nhân sử dụng phải: (1) xin phép sử dụng tại Cục Bản quyền tác giả thuộc Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch; (2) thanh toán tiền thù lao, các quyền lợi vật chất khác; (3) nộp một bản sao tác phẩm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phổ biến, lưu hành tác phẩm đó (Điều 29 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

Đối với tác phẩm khuyết danh thuộc quyền quản lý của các tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân đó có quyền khai thác quyền tác giả đối với

tác phẩm với tư cách chủ sở hữu quyền tác giả cho đến khi danh tính tác giả được xuất hiện. Chủ sở hữu quyền tác giả có các quyền mang tính chất tài sản đối với tác phẩm đó, được quy định tại khoản 1 điều 20 Luật sở hữu trí tuệ, được chuyển nhượng các quyền đó cho người khác và được hưởng thù lao (Điều 28 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

Kể từ khi thông tin về tác giả xuất hiện, quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh sẽ được xác định lại và các quyền nhân thân liên quan đến tác giả tác phẩm khuyết danh sẽ được chính thức ghi nhận cho tác giả đó.

Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh:

Thời hạn bảo hộ quyền tác giả nói chung chia thành hai cách tính: phụ thuộc vào cuộc đời tác giả và không phụ thuộc vào cuộc đời tác giả. Đối với tác phẩm khuyết danh, do không biết tác giả là ai, nên áp dụng cách tính không phụ thuộc cuộc đời tác giả. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh được quy định đối với các quyền mang tính chất tài sản là 75 năm kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên, thời hạn bảo hộ chấm dứt vào thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ quyền tác giả.

Ví dụ thứ nhất, một tác phẩm khuyết danh được công bố lần đầu tiên vào ngày 30/4/1975, thì thời hạn bảo hộ kết thúc vào 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2050.

Tuy nhiên, nếu thông tin về tác giả xuất hiện thì thời hạn bảo hộ được tính phụ thuộc vào cuộc đời của tác giả. Lúc này thời hạn bảo hộ được tính là suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả qua đời. Giả sử đối với tác phẩm trong ví dụ trên, tác giả mất vào ngày 30/4/2004, thì thời hạn bảo hộ sẽ kết thúc vào 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2055 (Lưu ý cách tính: năm tác giả mất là năm 2004, vậy 50 năm tiếp theo năm tác giả chết sẽ được xác định từ năm 2005 và kết thúc vào 2055). Trường hợp tác phẩm có nhiều đồng tác giả thì thời hạn kết thúc được tính là 50 năm tiếp theo năm đồng tác giả cuối cùng chết.

Cần chú ý trong ví dụ trên, sau khi tác phẩm công bố lần đầu tiên thông tin về tác giả xuất hiện nhưng tác giả lại chết trước ngày công bố tác phẩm thì thời hạn bảo hộ được tính theo quy định của tác phẩm di cáo (tác phẩm được công bố lần đầu tiên sau khi tác giả mất), là 50 năm kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên, nghĩa là kết thúc sớm hơn trường hợp danh tính tác giả chưa xuất hiện.

Quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh theo Công ước Berne và Luật bản quyền Hoa Kỳ

Điều 7 Công ước Berne quy định:

"1. Thời hạn bảo hộ theo Công ước này sẽ là suốt cuộc đời của tác giả và năm mươi năm sau khi tác giả chết.

2....

3. Đối với những tác phẩm khuyết danh hay bút danh, thời hạn bảo hộ do Công ước này quy định chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được phổ cập đến quần chúng một cách hợp pháp. Tuy nhiên, khi bút hiệu tác giả biểu lộ không chút hoài nghi về danh tính của tác giả thì thời hạn bảo hộ là thời hạn quy định ở Đoạn (1). Nếu tác giả một tác phẩm khuyết danh hay bút danh tiết lộ danh tính của mình trong thời gian đã nói ở trên, thời hạn bảo hộ là thời hạn được quy định ở Đoạn (1). Các Quốc gia thành viên Liên Hiệp không bắt buộc phải bảo hộ những tác phẩm khuyết danh hay bút danh khi có đủ lý do cho rằng tác giả của tác phẩm đó đã chết được 50 năm".

So sánh với quy định của Công ước này thì luật Việt Nam quy định có 2 khác biệt:

Khác biệt thứ nhất: Về xác định tác phẩm khuyết danh. Công ước Berne quy định tác phẩm khuyết danh và bút danh (có tên tác giả trên tác phẩm nhưng không phải tên thật) đều được bảo hộ như nhau. Tuy nhiên, Công ước cũng xác định tính chất khuyết danh của tác phẩm bút danh chỉ trong trường hợp không biết tác giả thực sự, còn nếu biết tác giả thực sự là ai thì bảo hộ như trường hợp thông thường.

Khác biệt thứ hai: Về cách tính thời hạn bảo hộ. Công ước đề nghị khả năng bảo hộ cho những tác phẩm khuyết danh mà tác giả đã chết được 50 năm và luật Việt Nam qua các thời kì đều không ghi nhận nội dung nào tương tự. Riêng đối với trường hợp danh tính của tác phẩm khuyết danh được xuất hiện thì Công ước chỉ ghi nhận việc thay đổi cách tính thời hạn bảo hộ chỉ áp dụng khi việc xuất hiện này trong thời hạn 50 năm kể từ khi tác phẩm được phổ biến đến công chúng. Về điểm này thì các quy định cũ của Việt Nam thể hiện sự phù hợp với Công ước, trong khi các quy định hiện hành thì không.

Luật bản quyền Hoa Kỳ đưa ra khái niệm về tác phẩm khuyết danh tại Điều 101 là "tác phẩm mà trên các bản sao hoặc bản ghi của nó không xác định được tên của tác giả". Về thời hạn bảo hộ thì

Điều 302 quy định "...đối với các tác phẩm khuyết danh... quyền tác giả kéo dài một thời hạn là 70 năm kể từ năm công bố lần đầu của tác phẩm hoặc một thời hạn là 100 năm kể từ năm sáng tạo tác phẩm, tùy thuộc vào thời hạn nào kết thúc trước. Nếu trước khi kết thúc các thời hạn đó mà xác định được một hoặc nhiều tác giả của tác phẩm khuyết danh... quyền tác giả đối với tác phẩm sẽ kéo dài một thời hạn theo quy định tại Khoản (a) [cả cuộc đời của tác giả và 50 năm sau khi tác giả chết] hoặc (b) [trong trường hợp tác phẩm đồng tác giả được sáng tạo bởi hai hay nhiều tác giả mà không thuộc trường hợp sáng tạo tác phẩm do thuê mướn, quyền tác giả kéo dài một thời hạn là cả cuộc đời của tác giả cuối cùng còn sống và 50 năm sau khi tác giả còn sống cuối cùng đó chết], trên cơ sở cuộc đời của tác giả hoặc các tác giả đã được xác định..."

Như vậy, Luật bản quyền Hoa Kỳ quy định và Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định khác nhau về khái niệm tác phẩm khuyết danh nhưng khá giống nhau về cách tính thời hạn bảo hộ.

3 MỘT SỐ BẤT CẬP CỦA QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KHUYẾT DANH VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

Thứ nhất là bất cập về khái niệm: Khi ghi nhận "tác phẩm khuyết danh là tác phẩm không có tên tác giả (tên thật hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố", luật hiện hành đã quy định về tác phẩm khuyết danh theo biểu hiện trên tác phẩm khi công bố, chứ không căn cứ vào tính chất khuyết danh của tác phẩm. Nói cách khác, một tác phẩm khuyết danh được xem xét dựa trên việc có hay không có tên tác giả trên tác phẩm khi công bố, chứ không dựa vào tính chất biết hay không biết tác giả là ai khi công bố tác phẩm lần đầu tiên. Điều này dẫn đến hai vướng mắc:

- Vướng mắc thứ nhất: Các tác phẩm có ghi tên một người nào đó là tác giả khi công bố nhưng thực tế lại không xác định được người đó là ai thì nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của quy định về tác phẩm khuyết danh. Nói cách khác, các quy định của luật hiện hành đối với tác phẩm khuyết danh sẽ không thể áp dụng được để điều chỉnh trong trường hợp đặc thù này, mặc dù về mặt tính chất, hai dạng tác phẩm này có nhiều điểm tương đồng.

Trong khi về tác phẩm khuyết danh, Luật bản quyền Hoa Kỳ xác định "Tác phẩm khuyết danh" là tác phẩm mà trên các bản sao hoặc bản ghi của nó không xác định được tên của tác giả". Như vậy, Luật của Hoa Kỳ hợp lý hơn khi ghi nhận tác phẩm

khuyết danh dựa trên đặc điểm "không xác định được tên của tác giả" chứ không dựa trên biểu hiện có hay không tên của tác giả trên tác phẩm (Điều 101 Luật bản quyền Hoa Kỳ). Phân tích tương tự cũng dễ dàng nhận thấy Công ước Berne cũng giống như Luật bản quyền Hoa Kỳ về điểm này.

Điểm đáng chú ý là trong quá khứ, luật Việt Nam có ghi nhận cả trường hợp tác phẩm không rõ ai là tác giả, theo đó tác phẩm khuyết danh và tác phẩm không rõ ai là tác giả đều áp dụng cơ chế bảo hộ giống nhau. Ví dụ, trong khi Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả 1994 quy định "Đối với tác phẩm không rõ tác giả hoặc tác giả không lộ tên thì quyền tác giả thuộc về Nhà nước. Trong thời hạn 50 năm, kể từ ngày tác phẩm được công bố lần đầu tiên, mà xác định được tác giả thì quyền tác giả được bảo hộ theo quy định của Pháp lệnh này", và Bộ luật dân sự 1995 cũng có quan điểm tương tự khi quy định "Đối với tác phẩm không rõ tác giả hoặc tác phẩm khuyết danh, thì quyền tác giả thuộc Nhà nước; nếu trong thời hạn năm mươi năm, kể từ ngày tác phẩm được công bố lần đầu tiên mà xác định được tác giả thì quyền tác giả được bảo hộ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 (Điều 766) và thời hạn bảo hộ được tính từ ngày xác định được tác giả".

Tuy nhiên, kể từ khi Bộ luật dân sự 2005 và Luật sở hữu trí tuệ 2005 ban hành, thì tác phẩm không rõ tác giả là ai không còn được ghi nhận trong các quy định, điều này dẫn đến một thiếu sót về mặt pháp lý, gây khó khăn trong quá trình điều chỉnh của pháp luật trong một số trường hợp đặc thù như đã nêu.

- Vướng mắc thứ hai: Khó khăn trong việc áp dụng quy định bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm không có tên tác giả nhưng vẫn biết tác giả là ai. Trường hợp này ngược lại với trường hợp thứ nhất, dù trên tác phẩm không có tên (kể cả tên thật hoặc bút danh) của tác giả, nhưng mọi người đều biết tác giả thực sự là ai thì nên áp dụng quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh hay như với các dạng tác phẩm bình thường? Nếu chỉ căn cứ vào các quy định hiện hành thì có hai khả năng vận dụng luật áp dụng:

- Khả năng thứ nhất, áp dụng các quy định bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm bình thường, không phải khuyết danh để điều chỉnh, tức là sẽ bảo hộ cả các quyền nhân thân và tài sản. Nếu lựa chọn cách này, có điều bất hợp lý là mâu thuẫn với quy định về khái niệm tác phẩm khuyết danh theo luật hiện hành, vì tác phẩm không có tên (tên thật

hoặc bút danh) tác giả khi công bố sẽ là tác phẩm khuyết danh.

– Khả năng thứ hai, áp dụng quy định trong trường hợp đặc biệt của tác phẩm khuyết danh là "khi thông tin về tác giả xuất hiện" để điều chỉnh. Nhưng nếu áp dụng cách tính này thì "thông tin về tác giả" đã xuất hiện ngay tại thời điểm công bố tác phẩm, lúc đó, tác phẩm này không còn là tác phẩm khuyết danh kể từ thời điểm công bố, theo khái niệm của luật đặt ra.

Thứ hai, không quy định về thời hạn mà tác giả được hưởng quyền khi danh tính của tác giả xuất hiện.

Các quy định trước đây - như Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả và Bộ luật dân sự 1995 - chỉ thừa nhận việc khôi phục quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh cho tác giả của tác phẩm đó nếu như danh tính tác giả xuất hiện trong thời hạn 50 năm kể từ khi công bố tác phẩm lần đầu tiên. Ví dụ thứ hai: Một tác phẩm khuyết danh được công bố vào năm 1950 nhưng đến năm 2001 danh tính tác giả mới xuất hiện, thì quyền của tác giả không còn được ghi nhận. Điều này khuyến khích việc tác giả của tác phẩm khuyết danh nên xuất hiện sớm, để có thể được hưởng sự bảo hộ của luật.

Tuy nhiên, với cách quy định của luật hiện hành thì không nêu ra thời hạn để tác giả xuất hiện để được bảo lưu các quyền của mình. Như trong trường hợp ví dụ thứ hai nêu trên, quyền tác giả tác phẩm đó vẫn tiếp tục được bảo hộ và được tính suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả chết (theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 27 Luật sở hữu trí tuệ). Như vậy, quyền tác giả có thể được bảo hộ dài hơn tùy thuộc vào việc xuất hiện trễ hơn các thông tin về tác giả của tác phẩm. Ví dụ thứ ba: Một tác phẩm khuyết danh công bố lần đầu tiên vào năm 1930, thời hạn bảo hộ được tính là 75 năm kể từ khi công bố tác phẩm, tức sẽ kết thúc vào 24 giờ ngày 31/12/2005. Tuy nhiên, vào năm 2015, thông tin về tác giả xuất hiện và người này vẫn còn sống, làm cho quyền tác giả tiếp tục được bảo hộ thêm một thời gian nữa. Lúc này về góc độ pháp lý, sẽ có một khoảng thời gian 10 năm từ 2005 đến 2015 quyền tác giả sẽ không được bảo hộ, sau năm 2015 lại được bảo hộ tiếp, cơ chế này không phù hợp với luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, cũng như luật pháp quốc tế.

Thứ ba, cách tính về thời hạn bảo hộ khi danh tính tác giả xuất hiện chưa phù hợp. Điều 27 Luật sở hữu trí tuệ quy định rằng đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm

khuyết danh, thì quyền tác giả (trừ các quyền nhân thân không mang tính chất tài sản) sẽ kết thúc thời gian được bảo hộ sau 75 năm kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên. Tuy nhiên, nếu sau khi danh tính tác giả xuất hiện thì thời hạn bảo hộ được thay đổi thành "suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả chết" (cách tính này vốn dành cho các tác phẩm không thuộc các loại điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng và khuyết danh).

Sự không hợp lý phát sinh vì tác phẩm khuyết danh có thể là bất kì dạng nào. Nếu quy định như trên sẽ tạo sự bất hợp lý trong việc tính thời hạn bảo hộ đối với một số tác phẩm khuyết danh là tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng. Xem xét ví dụ sau đây:

Ví dụ thứ tư: Một tác phẩm nhiếp ảnh (khuyết danh) được công bố lần đầu tiên vào 30/4/2000, thì thời hạn bảo hộ kết thúc vào 24 giờ ngày 31/12/2075, nhưng giả sử sau ngày công bố tác phẩm thì thông tin về tác giả xuất hiện, sau đó tác giả mất vào năm 2009, thì thời hạn bảo hộ được tính đến hết ngày 31/12/2060, ngắn hơn so với thời hạn bảo hộ trong trường hợp danh tính tác giả không xuất hiện, còn nếu tác giả mất vào năm 2029, thì thời hạn bảo hộ sẽ kéo dài đến hết ngày 31/12/2080, tức là muộn hơn so với trường hợp danh tính tác giả không được biết đến.

Nguyên nhân của sự bất hợp lý trên nằm ở chỗ, trong khi việc phân loại cách tính thời hạn bảo hộ được nhà làm luật phân chia chủ yếu dựa vào dạng tác phẩm: (1) tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng và (2) các dạng tác phẩm khác thì tác phẩm khuyết danh vốn không phải là một dạng tác phẩm cụ thể mà là tình trạng pháp lý của tác phẩm, thì lại được xếp vào nhóm (1). Giải pháp thay đổi cách tính thời hạn bảo hộ tuy hợp lý với tác phẩm khuyết danh là các dạng tác phẩm thuộc nhóm (2) nhưng không hợp lý với trường hợp tác phẩm khuyết danh ở nhóm (1).

Ở một khía cạnh khác, là quy định về tác phẩm di cao thì nhà làm luật tách ra quy định một cách độc lập. Tác phẩm di cao là tác phẩm được công bố lần đầu tiên sau khi tác giả chết, thời hạn bảo hộ được tính là 50 năm kể từ khi công bố tác phẩm lần đầu tiên. Tác phẩm di cao và khuyết danh giống nhau ở chỗ đều là tình trạng pháp lý của một tác phẩm chứ không phải một dạng tác phẩm độc lập, nghĩa là tác phẩm di cao và khuyết danh có thể là bất cứ dạng tác phẩm nào, miễn là rơi vào các tình trạng mà luật dự tính. Trong khi việc tách tác phẩm di cao ra thành quy định độc lập đã thể hiện tính hợp lý và thuận tiện khi áp dụng thì việc quy định

nhập chung tác phẩm khuyết danh với các dạng tác phẩm khác như đã nêu là không phù hợp.

Thứ tư, luật chưa dự liệu tình trạng khuyết danh do thỏa thuận. Ví dụ thứ năm: A giao kết hợp đồng với B, theo đó B tạo ra một tác phẩm cho A và A sẽ trả tiền cho B sau khi thanh lý hợp đồng và nhận tác phẩm. Tuy nhiên, trong hợp đồng A lại không muốn tên của B xuất hiện trên tác phẩm được tạo ra và B cũng đồng ý không truy cứu gì các quyền nhân thân của mình sau khi hai bên thanh lý hợp đồng.

Xét dưới góc độ pháp lý, thì thỏa thuận này không trái với các quy định của luật. Hệ quả của hợp đồng này là A sẽ trở thành chủ sở hữu quyền tác giả (theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật sở hữu trí tuệ) và khai thác các quyền tài sản, còn tác giả của tác phẩm là B, tuy về mặt lý thuyết có các quyền nhân thân (quy định tại Khoản 1, 2, 4 Điều 19 Luật sở hữu trí tuệ) nhưng lại không được bảo hộ các quyền này, vì tính chất khuyết danh của tác phẩm.

Tuy nhiên, rắc rối có thể phát sinh nếu sau đó B, vì lý do nào đó, xuất hiện và thể hiện tư cách tác giả của mình đối với tác phẩm, thì tình trạng khuyết danh của tác phẩm sẽ chấm dứt. Điều này kéo theo sự phát sinh các quyền nhân thân, cũng như làm thay đổi cách tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm đó, ảnh hưởng đến việc khai thác quyền tác giả của chủ sở hữu.

3.1 Hướng đề xuất nhằm giải quyết các bất cập của quy định hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh

Thứ nhất, ghi nhận lại trường hợp tác phẩm không rõ ai là tác giả như theo các quy định trước đây, bằng cách quy định lại khái niệm tác phẩm khuyết danh là "tác phẩm không rõ ai là tác giả khi công bố tác phẩm". Tác dụng của việc này là giải quyết được tình huống tác phẩm có ghi tên tác giả nhưng không rõ ai là tác giả thực sự của tác phẩm, cũng như trường hợp tác phẩm không có tên tác giả nhưng trên thực tế vẫn biết tác giả là ai khi công bố tác phẩm đó. Đối với tác phẩm có ghi tên tác giả nhưng không rõ ai là tác giả sẽ áp dụng các quy định của tác phẩm khuyết danh, còn trường hợp không có ghi tên tác giả nhưng biết tác giả là ai thì vẫn căn cứ vào các quy định hiện hành, được bảo hộ như đối với tác phẩm thông thường, cho dù sau đó thông tin về tác giả chính thức xuất hiện sau ngày công bố.

Thứ hai, sửa đổi quy định về thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh trong

trường hợp danh tính tác giả xuất hiện. Cụ thể như sau: "Khi danh tính tác giả xuất hiện, thời hạn bảo hộ các quyền tài sản đối với tác phẩm khuyết danh là tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng tiếp tục được tính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Luật sở hữu trí tuệ, đối với các tác phẩm khuyết danh không thuộc các dạng tác phẩm kể trên thì thời hạn bảo hộ được tính theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Luật sở hữu trí tuệ". Quy định như vậy sẽ tránh được tình trạng bất hợp lý trong việc xác định thời hạn bảo hộ đối với các dạng tác phẩm khuyết danh khác nhau.

Thứ ba, quy định thêm về việc xác định các quyền nhân thân và tài sản của tác giả đối với tác phẩm khuyết danh, khi danh tính người này xuất hiện. Quy định này được đề xuất như sau: "Trường hợp thông tin về tác giả của tác phẩm khuyết danh xuất hiện trong thời hạn 50 năm kể từ ngày công bố tác phẩm, thì tác giả sẽ được bảo hộ các quyền nhân thân và các quyền tài sản, nếu như không có thỏa thuận khác. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả tiếp tục áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Luật sở hữu trí tuệ, nếu thông tin về tác giả xuất hiện sau 50 năm kể từ ngày công bố tác phẩm lần đầu tiên thì các quyền nhân thân được xác định cho tác giả, nhưng thời hạn bảo hộ quyền tác giả được tính như đối với tác phẩm khuyết danh".

Thứ tư, quy định thêm về trường hợp tác phẩm khuyết danh theo thỏa thuận. Trong trường hợp tác phẩm khuyết danh theo thỏa thuận, việc xuất hiện các thông tin về tác giả của tác phẩm chỉ có tác dụng ghi nhận thêm các quyền nhân thân của quyền tác giả, mà không làm thay đổi cách tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm đó, nghĩa là vẫn tính thời hạn như đối với tác phẩm khuyết danh.

4 KẾT LUẬN

Các quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh trong lĩnh vực quyền tác giả thể hiện sự quan tâm của nhà làm luật đối với các tác phẩm mà khi công bố không biết tác giả thực sự là ai. Quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh mở ra việc khai thác quyền tác giả đối với các tác phẩm này, tạo điều kiện cho công chúng tiếp cận, khai thác và sử dụng các tác phẩm khuyết danh, cũng như đem lại lợi ích cho các tổ chức, cá nhân đang quản lý chúng. Tuy nhiên, từ những phân tích trên cho thấy còn tồn tại một số bất cập trong các quy định của luật, mà cần thiết phải có những sửa đổi cho phù hợp như: Quy định lại khái niệm tác phẩm khuyết danh, cách tính thời hạn bảo

hộ đối với tác phẩm khuyết danh khi danh tính tác giả xuất hiện, ghi nhận lại giới hạn 50 năm trong việc bộc lộ danh tính của tác giả tác phẩm khuyết danh và bổ sung nội dung quy định đối với trường hợp tác phẩm khuyết danh do thỏa thuận. Các sửa đổi này một mặt giúp luật trong nước tương thích hơn với luật pháp quốc tế, một mặt tạo điều kiện thuận lợi để điều chỉnh các vụ việc thực tiễn mà không phát sinh vướng mắc và dễ dàng hơn khi áp dụng các quy định có liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Công ước Berne 1886.

Hiệp ước quyền tác giả WIPO (WCT) 1996.

Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả 1994.

Bộ luật dân sự 1995.

Bộ luật dân sự 2005.

Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Nghị định 61/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 6 năm 2002 về chế độ nhuận bút.

Nghị định 100/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.

Nghị định 85/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20 tháng 9 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.

Thông tư 04-VH/TT ngày 7-1-1987 của Bộ văn hóa hướng dẫn, giải thích Nghị định số 142-

HĐBT ngày 14-11-1986 của Hội đồng bộ trưởng quy định quyền tác giả.

Thông tư số 27/2001/TT-BVHTT của Bộ Văn hóa Thông tin ngày 10 tháng 5 năm 2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/CP ngày 29/11/1996, Nghị định số 60/CP ngày 6/6/1997 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật dân sự.

Thông tư liên tịch 04/2003/TTLT-BVHTT-BXD của Bộ Văn hóa Thông tin, Bộ Xây dựng ngày 24 tháng 1 năm 2003 của Bộ Văn hoá-Thông tin và Bộ Xây dựng hướng dẫn về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.

Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC của Bộ Văn hóa Thông tin, Bộ Tài chính ngày 01 tháng 7 năm 2003 về việc hướng dẫn việc chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút đối với một số loại hình tác phẩm quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ.

Quyết định 17/2004/QĐ-BVHTT của Bộ Văn hóa Thông tin ngày 05 tháng 05 năm 2004 của Bộ Văn hoá-Thông tin về việc ban hành "Quy chế sao chép tác phẩm tạo hình".

Lê Nét (chủ biên), 2014, Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ, Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.

Luật bản quyền Hoa Kỳ.

Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), 2005, Cẩm nang sở hữu trí tuệ: chính sách, pháp luật và áp dụng (bản dịch của Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam –NOIP).